

Bản án số: 125/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 04 - 2018
“V/v Ly hôn giữa chị N và anh H”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Thuận

2. Ông Lê Đức Minh

- ***T ký phiên tòa:*** Ông Phạm Minh Sang là T ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bảo Thịnh – kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 04 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Bùi Thị Cẩm N; sinh năm 1976 (có mặt).

Nơi cư trú: số 403A tổ 03 khóm Long Thạnh B, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Minh H; sinh năm 1974 (vắng mặt).

Nơi cư trú: số 403A tổ 03 khóm Long Thạnh B, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 16/10/2017, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị Cẩm N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Cẩm N và anh Nguyễn Minh H đi đến hôn nhân vào năm 1995, hôn nhân tự tìm hiểu có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, trong quá trình sống chung vợ chồng Từng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, và bất đồng về kinh tế gia đình, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 07/2016 cho đến nay. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 01/11/1996 (đã trưởng thành); Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 19/6/2004 hiện nay đang sống với chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh Nguyễn Minh H trình bày: Anh H thống nhất với lời trình bày của chị N về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng, và anh H cũng đồng ý ly hôn với chị N. Anh H có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo biên bản lấy lời khai ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 01/11/1996 (đã trưởng thành); Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 19/6/2004 hiện nay đang sống với chị N, khi ly hôn anh H đồng ý giao con chung cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa chị Bùi Thị Cẩm N vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị Cẩm N và anh Nguyễn Minh H tranh chấp hôn nhân gia đình về xin ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình, ly hôn của chị N và anh H. Tòa án đã tiến hành thủ tục ủy thác thu thập chứng cứ và anh Nguyễn Minh H có yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó, nên căn cứ điểm khoản Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Minh H.

Phát biểu của Kiểm sát viên về tố tụng: Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật về thủ tục theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Đối với các đương sự thì thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70; 71; 72; và 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 55; 57; 58; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, công nhận sự thuận tình của chị N và anh H, về con chung thì chị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 19/6/2004.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân của chị N và anh H đi đến hôn nhân vào năm 1995, hôn nhân do anh chị tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc

sống chung không có hạnh phúc và vợ chồng không còn sống chung từ tháng 07/2016 cho đến nay, và anh chị đều thống nhất ly hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật xem xét bảo vệ

Xét thấy, mặc dù Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng dân sự theo quy định để tạo điều kiện cho anh chị hòa giải và hàn gắn, nhưng anh H và chị N đều thống nhất ly hôn, xét thấy với những mâu thuẫn nêu trên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX nhận thấy nên công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 01/11/1996 (đã trưởng thành); Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 19/6/2004 hiện nay đang sống với chị N, khi ly hôn anh H đồng ý giao con chung cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng. Ý kiến của cháu T yêu cầu được sống với chị N. Xét thấy sự thỏa thuận nuôi con chung của anh chị phù hợp với ý kiến của cháu T, và cũng phù hợp pháp luật nên HĐXX nghĩ nên công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung của anh chị.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Về án phí: chị Bùi Thị Cẩm N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; 55; 57; 58; 81; 82; 83; và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Cẩm N và anh Nguyễn Minh H thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 01/11/1996 (đã trưởng thành); Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 19/6/2004, chị Bùi Thị Cẩm N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Minh T, chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: không có.

5. Về án phí: chị Bùi Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0001394 ngày 23/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Diệu